



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIAO SỔ TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 135/NQ-CP

Đơn vị:

Thị hành án dân sự thành phố Đà Nẵng

Mã số:

1054137

Mã KBNN nơi giao dịch: 0161 - KBNN khu vực XIII

(Kèm theo Quyết định số 1631/QĐ-BTP ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THỊ HÀNH ÁN DÂN SỰ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNGSố: 6488
ĐẾN Ngày: 12/08/2026

Chuyển:

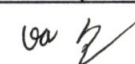
Số và ký hiệu HS Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao (*)	Số đã tạm giao đầu năm thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (nguồn 12, 13, 18)(*)	Số tiết kiệm theo NQ số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026			Dự toán được sử dụng năm 2026
				Tổng số	Trong đó		
					Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	Tiết kiệm thêm trên 5%	
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	63.517.790	0	1.666.300	905.000	761.300	61.851.490
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	46.249.690	0	1.282.000	905.000	377.000	44.967.690
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	17.268.100	0	384.300	0	384.300	16.883.800
1	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (LOẠI 340 - KHOẢN 341)	63.517.790	0	1.666.300	905.000	761.300	61.851.490
1.1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	46.249.690	0	1.282.000	905.000	377.000	44.967.690
	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho cán bộ, công chức	34.527.500	0	0	0	0	34.527.500
	Chi thường xuyên theo định mức	8.608.090	0	1.282.000	905.000	377.000	7.326.090
	Kinh phí quản lý ngành	100.000	0	0	0	0	0
	Kinh phí hỗ trợ lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	3.014.100	0	0	0	0	3.014.100
1.2	Kinh phí giao thực hiện không tự chủ	17.268.100	0	384.300	0	384.300	16.883.800
	Kinh phí tạm ứng cưỡng chế	2.172.600	0	0	0	0	2.172.600
	Kinh phí tạm ứng Thừa phát lại	0	0	0	0	0	0

12/1/

STT	Nội dung	Dự toán giao (*)	Số đã tạm giao đầu năm thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (nguồn 12, 13, 18)(*)	Số tiết kiệm theo NQ số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026			Dự toán được sử dụng năm 2026
				Tổng số	Trong đó		
					Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	Tiết kiệm thêm trên 5%	
	Kinh phí án điểm	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí cưỡng chế ngân sách chịu	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí tiêu hủy vật chứng	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí bảo trì trụ sở, kho vật chứng	600.000	0	30.000	0	30.000	570.000
	Kinh phí thuê trụ sở, kho vật chứng	79.000	0	4.000	0	4.000	75.000
	Kinh phí mua sắm tài sản chuyên dùng	180.000	0	0	0	0	180.000
	Kinh phí tính giảm biên chế	0	0	0	0	0	0
	Chi đảm bảo cho công tác thu phí	11.154.610	0	350.300	0	350.300	10.804.310
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	2.066.850	0	0	0	0	2.066.850
	Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí mua sắm trang phục	1.015.040	0	0	0	0	1.015.040

Ghi chú: (*) Dự toán giao tại Quyết định số 3751/QĐ-BTP ngày 30/12/2025

Ưa 





BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIAO SỔ TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 135/NQ-CP

Đơn vị:

Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng

Mã số:

1054137

Mã KBNN nơi giao dịch: 0161 - KBNN khu vực XIII

(Kèm theo Quyết định số 1631/QĐ-BTP ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao (*)	Số đã tạm giao đầu năm thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (nguồn 12, 13, 18)(*)	Số tiết kiệm theo NQ số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026			Dự toán được sử dụng năm 2026
				Tổng số	Trong đó		
					Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	Tiết kiệm thêm trên 5%	
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	63.517.790	0	1.666.300	905.000	761.300	61.851.490
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	46.249.690	0	1.282.000	905.000	377.000	44.967.690
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	17.268.100	0	384.300	0	384.300	16.883.800
1	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (LOẠI 340 - KHOẢN 341)	63.517.790	0	1.666.300	905.000	761.300	61.851.490
1.1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	46.249.690	0	1.282.000	905.000	377.000	44.967.690
	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho cán bộ, công chức	34.527.500	0	0	0	0	34.527.500
	Chi thường xuyên theo định mức	8.608.090	0	1.282.000	905.000	377.000	7.326.090
	Kinh phí quản lý ngành	100.000	0	0	0	0	0
	Kinh phí hỗ trợ lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	3.014.100	0	0	0	0	3.014.100
1.2	Kinh phí giao thực hiện không tự chủ	17.268.100	0	384.300	0	384.300	16.883.800
	Kinh phí tạm ứng cưỡng chế	2.172.600	0	0	0	0	2.172.600
	Kinh phí tạm ứng Thừa phát lại	0	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Dự toán giao (*)	Số đã tạm giao đầu năm thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (nguồn 12, 13, 18)(*)	Số tiết kiệm theo NQ số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026			Dự toán được sử dụng năm 2026
				Tổng số	Trong đó		
					Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	Tiết kiệm thêm trên 5%	
	Kinh phí án điểm	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí cưỡng chế ngân sách chịu	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí tiêu hủy vật chứng	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí bảo trì trụ sở, kho vật chứng	600.000	0	30.000	0	30.000	570.000
	Kinh phí thuê trụ sở, kho vật chứng	79.000	0	4.000	0	4.000	75.000
	Kinh phí mua sắm tài sản chuyên dùng	180.000	0	0	0	0	180.000
	Kinh phí tinh giản biên chế	0	0	0	0	0	0
	Chi đảm bảo cho công tác thu phí	11.154.610	0	350.300	0	350.300	10.804.310
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	2.066.850	0	0	0	0	2.066.850
	Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ	0	0	0	0	0	0
	Kinh phí mua sắm trang phục	1.015.040	0	0	0	0	1.015.040

Ghi chú: (*) Dự toán giao tại Quyết định số 3751/QĐ-BTP ngày 30/12/2025

Ưa ✓

[Signature]